

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PẮC
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2019/DS-ST

Ngày: 04/11/2019.

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Hồng Trường.

- *Các hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Ngô Văn Tuyền.

2. Ông Nông Thanh Tuy.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nông Thị Lường.

Là: Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc tham gia phiên tòa:*

Bà Phạm Thị Thủy. Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 70/2019/TLST-DS ngày 28 tháng 3 năm 2019. Về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2019/QĐXXST- DS, ngày 02 tháng 10 năm 2019 và theo quyết định hoãn phiên tòa số 33/2019/QĐST - DS, ngày 18 tháng 10 năm 2019.

Giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1 Ông Nguyễn Đình T. Sinh năm: 1949

1.2 Bà Nguyễn Thị Đ. Sinh năm: 1950

Cùng trú tại: Thôn 14, xã P, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Bà Nguyễn Thị Đ ủy quyền cho ông Nguyễn Đình T tham gia tố tụng, theo giấy ủy quyền ngày 20/3/2019. (Ông T có mặt tại phiên tòa)

2. Bị đơn:

2.1 Ông Hoàng Anh H.

2.2 Bà Nguyễn Thị L.

Cùng trú tại: Thôn 13A, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. (Đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/3/2019, tại biên bản lấy lời khai ngày 15/4/2019, trong quá trình hòa giải và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn ông Nguyễn Đình T trình bày:

Giữa vợ chồng tôi và vợ chồng ông Hoàng Anh H, bà Nguyễn Thị L là người quen biết làm ăn chứ không có quan hệ bà con hay họ hàng thân thích gì. Vào ngày 22/9/2018 vợ chồng ông H, bà L có đến nhà vợ chồng tôi để đặt vấn đề vay mượn

tiền, với số tiền là 280.000.000 đồng (Hai trăm tám mươi triệu đồng), mục đích vay là để về đầu tư vốn làm ăn. Vợ chồng chúng tôi đã đồng ý cho vợ chồng ông H, bà L vay số tiền nói trên. Khi vay hai bên có xác lập 01 giấy vay tiền do tôi Nguyễn Đình T viết ra. Có chữ viết và chữ ký xác nhận của vợ chồng ông Hoàng Anh H, bà Nguyễn Thị L. Hai bên thoả thuận lãi suất vay là 1,5%/1 tháng, thời hạn vay là 01 tháng tính từ ngày vay 22/9/2018 đến ngày 22/10/2018.

Để đảm bảo cho khoản tiền vay nói trên vợ chồng ông H, bà L đồng ý thế chấp cho vợ chồng chúng tôi 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 651529, thửa đất số 215, 216, tờ bản đồ số 37, có tổng diện tích 1.660m². Trong đó có 690m² đất nuôi trồng thủy sản và 970m² đất trồng cây hàng năm, do UBND huyện EaKar cấp ngày 07/5/2010 mang tên ông Cao Thê N và bà Lê Thị V, trú tại thôn 14, xã P, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Được văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện EaKar ký xác nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng chúng tôi ông Nguyễn Đình T, bà Nguyễn Thị Đ vào ngày 29/5/2014. Hai bên đồng ý ghi thông tin thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên trong giấy vay tiền, nhưng thực tế giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà vợ chồng ông H, bà L đồng ý thế chấp cho vợ chồng tôi lúc đó đang ở tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện EaKar (Do vợ chồng tôi chuyển nhượng cho vợ chồng ông H, bà L). Đến ngày 05/10/2018 Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện EaKar ký xác nhận chuyển nhượng cho vợ chồng ông Hoàng Anh H và bà Nguyễn Thị L, sau đó vợ chồng tôi đã trực tiếp liên hệ với Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện EaKar để lấy giấy chứng quyền sử dụng đất nêu trên và hiện nay vợ chồng tôi đang nắm giữ. Việc vợ chồng ông H, bà L đồng ý ghi thông tin thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong giấy vay tiền để làm tin, hai bên không làm thủ tục đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật.

Tuy nhiên cho đến nay đã quá thời hạn trả nợ từ lâu, mặc dù vợ chồng chúng tôi đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng ông H, bà L phải có trách nhiệm hoàn trả cho vợ chồng tôi số tiền vay gốc và tiền lãi suất phát sinh theo thỏa thuận, nhưng vợ chồng ông H, bà L luôn viện cớ làm ăn khó khăn, cứ khất lần. Mãi đến ngày 30/11/2018 vợ chồng ông H, bà L chỉ mới trả được cho vợ chồng tôi số tiền lãi suất là 9.900.000 đồng, ngoài ra không trả thêm cho vợ chồng tôi được bất kỳ số tiền nào khác.

Nguyên vọng: Tôi yêu cầu Toà án xem xét và giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật để buộc vợ chồng ông Hoàng Anh H, bà Nguyễn Thị L phải có trách nhiệm hoàn trả cho vợ chồng chúng tôi số tiền vay gốc còn nợ là 280.000.000 đồng (Hai trăm tám mươi triệu đồng) và khoản tiền lãi suất phát sinh theo hợp đồng vay là 1,5%/1 tháng, tính từ ngày 01/12/2018 cho đến khi Toà án nhân dân huyện Krông Pắc giải quyết xong vụ án.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành giao thông báo về việc thụ lý vụ án cho nguyên đơn, niêm yết thông báo về việc thụ lý vụ án cho bị đơn và triệu tập các bên đương sự đến Tòa án để tham gia tố tụng, nhưng vợ chồng ông Hoàng Anh H, bà Nguyễn Thị L không đến Tòa án để tham gia tố tụng, vì vậy ngày 10/7/2019 nguyên đơn ông Nguyễn Đình T làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc ra quyết định trưng cầu giám định chữ viết và chữ ký của vợ chồng ông Hoàng Anh H, bà Nguyễn Thị L trong giấy vay tiền lập ngày 22/9/2018 theo quy định của pháp luật.

Tại kết luận giám định số 71/PC-09, ngày 25/7/2019 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận:

1. Chữ viết, chữ ký mang tên Hoàng Anh H dưới mục “Người vay tiền” trong tài liệu cần giám định kí hiệu A1 so với chữ ký, chữ viết đúng tên Hoàng Anh H dưới mục “Người nhận” trong tài liệu mẫu so sánh kí hiệu M2, là do cùng một người viết và ký ra.

2. Chữ viết, chữ ký mang tên Nguyễn Thị L dưới mục “Người vay tiền” trong tài liệu cần giám định kí hiệu A1 so với chữ ký, chữ viết đúng tên Nguyễn Thị L dưới mục “Người nhận” trong tài liệu mẫu so sánh kí hiệu M1, là do cùng một người viết và ký ra.

Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết hợp lệ thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải và Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải cho nguyên đơn, bị đơn để các đương sự đến Tòa án tham gia tố tụng, nhưng vợ chồng ông H, bà L vẫn không đến Tòa án để tham gia tố tụng, vì vậy Tòa án tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải vắng mặt bị đơn ông Hoàng Anh H và bà Nguyễn Thị L. Căn cứ vào Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Ngày 18/10/2019, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án. Tuy nhiên, vợ chồng ông Hoàng Anh H, bà Nguyễn Thị L vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 233 và Điều 235 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử ra quyết định hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn ông Nguyễn Đình T vẫn giữ nguyên ý kiến của mình.

Bị đơn ông Hoàng Anh H và bà Nguyễn Thị L vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chưa thực hiện đầy các quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Đình T và bà Nguyễn Thị Đ yêu cầu vợ chồng ông Hoàng Anh H, bà Nguyễn Thị L phải có trách nhiệm hoàn trả cho vợ chồng ông T, bà Đ số tiền vay gốc 280.000.000 đồng (Hai trăm tám mươi triệu đồng) và khoản tiền lãi suất phát sinh theo hợp đồng vay là 1,5%/1 tháng, tính từ ngày 01/12/2018 cho đến khi Toà án nhân dân huyện Krông Pắc giải quyết xong vụ án. Trong quá trình giải quyết vụ án vợ chồng ông Hoàng Anh H, bà Nguyễn Thị L tuy đã được Tòa án niêm yết hợp lệ thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải và thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng vợ chồng ông H, bà L không đến Tòa án để tham gia tố tụng, căn cứ kết luận giám định số 71/PC-09, ngày 25/7/2019 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk đã có đủ cơ sở để xác định việc vợ chồng ông H, bà L có vay của vợ chồng ông T, bà Đ số tiền 280.000.000 đồng là

có thực, thể hiện qua giấy vay tiền lập ngày 22/9/2018 giữa vợ chồng ông T, bà Đ và vợ chồng ông H, bà L có chữ viết và chữ ký xác nhận của vợ chồng ông Hoàng Anh H, bà Nguyễn Thị L.

Việc giao kết hợp đồng giữa các bên đương sự là hoàn toàn tự nguyện, hình thức và nội dung hợp đồng đúng theo quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn ông Nguyễn Đình T yêu cầu Tòa án xem xét và giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật để buộc vợ chồng ông H, bà L phải có trách nhiệm hoàn trả cho vợ chồng ông T, bà Đ số tiền vay gốc 280.000.000 đồng (Hai trăm tám mươi triệu đồng) và khoản tiền lãi suất phát sinh theo thỏa thuận là 1,5%/1 tháng, tính từ ngày 01/12/2018 là phù hợp với quy định của pháp luật. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng Điều 93, khoản 5 Điều 94, Điều 463, khoản 1 Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Đình T và bà Nguyễn Thị Đ, buộc vợ chồng ông Hoàng Anh H, bà Nguyễn Thị L phải có trách nhiệm hoàn trả cho vợ chồng ông T, bà Đ số tiền vay gốc còn nợ là 280.000.000 đồng (Hai trăm tám mươi triệu đồng) và khoản tiền lãi suất phát sinh theo thỏa thuận, tính từ ngày 01/12/2018 cho đến ngày xét xử sơ thẩm 04/11/2019.

Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 651529, thửa đất số 215, 216, tờ bản đồ số 37, có tổng diện tích 1.660m² mang tên ông Cao Thế N, bà Lê Thị V được chuyển quyền sử dụng đất sang tên ông Hoàng Anh H và bà Nguyễn Thị L vào ngày 05/10/2018 được vợ chồng ông H, bà L đồng ý thế chấp cho vợ chồng ông T, bà Đ nhưng không đúng theo quy định của pháp luật tại các Điều 298, Điều 319 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 4 Điều 95, Điều 167, Điều 188 Luật đất đai năm 2013; Nghị định 163/2006/NĐ-CP, ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm và Nghị định số 102/2017/NĐ-CP, ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đăng ký biến pháp bảo đảm. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tuyên buộc ông Nguyễn Đình T và bà Nguyễn Thị Đ phải giao trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 651529 cho ông Hoàng Anh H và bà Nguyễn Thị L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đơn khởi kiện của ông Nguyễn Đình T, bà Nguyễn Thị Đ đề ngày 20/3/2019, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, được quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 195 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc đã tổng đạt, niêm yết hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2019/QĐXXST-DS, ngày 02 tháng 10 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 33/2019/QĐST-DS, ngày 18 tháng 10 năm 2019 cho bị đơn ông Hoàng Anh H, bà Nguyễn Thị L. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông H, bà L vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ điểm b

khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn ông Hoàng Anh H, bà Nguyễn Thị L.

- Về thời hiệu khởi kiện: Đơn khởi kiện của ông Nguyễn Đình T, bà Nguyễn Thị Đ đề ngày 20/3/2019 là còn trong thời hiệu khởi kiện, quy định tại Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Xét nội dung đơn khởi kiện: Nguyên đơn ông Nguyễn Đình T, bà Nguyễn Thị Đ yêu cầu vợ chồng Hoàng Anh H, bà Nguyễn Thị L phải có trách nhiệm hoàn trả cho vợ chồng ông Nguyễn Đình T, bà Nguyễn Thị Đ tổng số tiền vay gốc còn nợ là 280.000.000 đồng là hoàn toàn có cơ sở pháp lý: Vì thực tế vào ngày 22/9/2018 vợ chồng ông H, bà L có đến nhà vợ chồng ông T, bà Đ để đặt vấn đề vay mượn tiền, với số tiền là 280.000.000 đồng (Hai trăm tám mươi triệu đồng), mục đích vay là để về đầu tư vốn làm ăn. Vợ chồng ông T, bà Đ đã đồng ý cho vợ chồng ông H, bà L vay số tiền nói trên. Khi vay hai bên có xác lập 01 giấy vay tiền do ông Nguyễn Đình T viết ra. Có chữ viết và chữ ký xác nhận của vợ chồng ông Hoàng Anh H, bà Nguyễn Thị L. Hai bên thoả thuận lãi suất vay là 1,5%/1 tháng, thời hạn vay là 01 tháng tính từ ngày vay 22/9/2018 đến ngày 22/10/2018.

Xét thấy việc giao kết hợp đồng giữa các bên đương sự là hoàn toàn tự nguyện, hình thức và nội dung hợp đồng đúng theo quy định của pháp luật. Kể từ khi vợ chồng ông H, bà L xác lập 01 giấy vay tiền đối với vợ chồng ông T, bà Đ cho đến nay mặc dù vợ chồng ông T, bà Đ đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng ông H, bà L phải có trách nhiệm hoàn trả số tiền vay theo thỏa thuận, nhưng cho đến ngày 30/11/2018 vợ chồng ông H, bà L chỉ mới trả được cho vợ chồng ông T, bà Đ số tiền lãi suất là 9.900.000 đồng. Như vậy, vợ chồng ông H, bà L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

Tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định:

“Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào Điều 93, khoản 5 Điều 94 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử buộc vợ chồng ông Hoàng Anh H, bà Nguyễn Thị L phải có trách nhiệm hoàn trả cho vợ chồng ông Nguyễn Đình T, bà Nguyễn Thị Đ số tiền vay gốc còn nợ 280.000.000 đồng là hoàn toàn phù hợp và thỏa đáng, đúng theo quy định của pháp luật.

Về lãi suất: Xét yêu cầu tính lãi suất của nguyên đơn ông Nguyễn Đình T, bà Nguyễn Thị Đ về khoản tiền lãi suất phát sinh theo hợp đồng vay là 1,5%/1 tháng tính từ ngày 01/12/2018 cho đến khi Toà án nhân dân huyện Krông Pắc giải quyết xong vụ án là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, vì vậy Hội đồng xét xử tính khoản tiền lãi suất phát sinh, cụ thể như sau:

Đối với số tiền 280.000.000 đồng, từ ngày 01/12/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm 04/11/2019 là 339 ngày.

$(280.000.000 \text{ đồng} \times 1,5\% \times 339 \text{ ngày} : 30 \text{ ngày} = 47.460.000 \text{ đồng})$

Căn cứ khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử buộc

vợ chồng ông Hoàng Anh H, bà Nguyễn Thị L phải có trách nhiệm hoàn trả cho vợ chồng ông Nguyễn Đình T, bà Nguyễn Thị Đ tổng số tiền vay gốc và tiền lãi suất phát sinh là 327.460.000 đồng (Ba trăm hai mươi bảy triệu bốn trăm sáu mươi nghìn đồng). Trong đó tiền vay gốc còn nợ là 280.000.000 đồng, tiền lãi suất phát sinh là 47.460.000 đồng.

Về tài sản thế chấp: Vợ chồng ông Hoàng Anh H, bà Nguyễn Thị L đồng ý thế chấp cho vợ chồng ông Nguyễn Đình T, bà Nguyễn Thị Đ 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 651529, thửa đất số 215, 216, tờ bản đồ số 37, có tổng diện tích 1.660m². Trong đó có 690m² đất nuôi trồng thủy sản và 970m² đất trồng cây hàng năm, do UBND huyện EaKar cấp ngày 07/5/2010 mang tên ông Cao Thế N và bà Lê Thị V, trú tại thôn 14, xã P, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Được văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện EaKar ký xác nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông Nguyễn Đình T, bà Nguyễn Thị Đ vào ngày 29/5/2014 và đã được Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện EaKar ký xác nhận chuyển nhượng cho vợ chồng ông Hoàng Anh H và bà Nguyễn Thị L vào ngày 05/10/2018, hiện nay vợ chồng ông T, bà Đ đang nắm giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên. Việc thế chấp tài sản bằng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hai bên không làm thủ tục đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật. Căn cứ vào các Điều 298, Điều 319 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 4 Điều 95, Điều 167, Điều 188 Luật đất đai năm 2013; Nghị định 163/2006/NĐ-CP, ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm và Nghị định số 102/2017/NĐ-CP, ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm, Hội đồng xét xử buộc vợ chồng ông Nguyễn Đình T, bà Nguyễn Thị Đ phải có trách nhiệm hoàn trả cho vợ chồng ông H, bà L tài sản thế chấp bằng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như đã nêu trên.

- Về án phí: Các đương sự phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Xét quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ quan điểm của Viện kiểm sát.

Vì các lý do trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 93, khoản 5 Điều 94, Điều 184, Điều 195, Điều 203, Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 233 và Điều 235 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ vào các Điều 298, Điều 319, Điều 357, Điều 429, Điều 463, khoản 1 Điều 466 và khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Căn cứ Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ khoản 4 Điều 95, Điều 167, Điều 188 Luật đất đai năm 2013.

- Căn cứ Nghị định 163/2006/NĐ-CP, ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm và Nghị định số 102/2017/NĐ-CP, ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Đình T và bà Nguyễn Thị Đ.

Buộc vợ chồng ông Hoàng Anh H, bà Nguyễn Thị L phải có trách nhiệm hoàn trả cho vợ chồng ông Nguyễn Đình T, bà Nguyễn Thị Đ tổng số tiền vay gốc

và tiền lãi suất phát sinh là 327.460.000 đồng (Ba trăm hai mươi bảy triệu bốn trăm sáu mươi nghìn đồng). Trong đó tiền vay gốc còn nợ là 280.000.000 đồng, tiền lãi suất phát sinh là 47.460.000 đồng.

Buộc vợ chồng ông Nguyễn Đình T, bà Nguyễn Thị Đ phải có trách nhiệm hoàn trả cho vợ chồng ông Hoàng Anh H, bà Nguyễn Thị L tài sản thế chấp gồm có: 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 651529, thửa đất số 215, 216, tờ bản đồ số 37, có tổng diện tích 1.660m². Trong đó có 690m² đất nuôi trồng thủy sản và 970m² đất trồng cây hàng năm, do UBND huyện EaKar cấp ngày 07/5/2010 mang tên ông Cao Thế N và bà Lê Thị V, trú tại thôn 14, xã P, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Được văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện EaKar ký xác nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông Nguyễn Đình T, bà Nguyễn Thị Đ vào ngày 29/5/2014 và đã được Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện EaKar ký xác nhận chuyển nhượng cho vợ chồng ông Hoàng Anh H và bà Nguyễn Thị L vào ngày 05/10/2018.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 2 Luật người cao tuổi, điểm đ Điều 12, Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc vợ chồng ông Hoàng Anh H, bà Nguyễn Thị L phải chịu 16.373.000 đồng (Mười sáu triệu ba trăm bảy mươi ba nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, theo mức tính: (327.460.000 đồng x 5% = 16.373.000 đồng).

Nguyên đơn ông Nguyễn Đình T và bà Nguyễn Thị Đ thuộc trường hợp người cao tuổi, vì vậy được miễn toàn bộ tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn ông Nguyễn Đình T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ, bị đơn ông Hoàng Anh H và bà Nguyễn Thị L (Vắng mặt) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự”.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk
- VKSND tỉnh Đắk Lắk
- VKSND huyện Krông Pắc
- Chi cục THADS huyện Krông Pắc
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ, VP.

Phạm Hồng Trường